YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP Ở HUYỆN QUẢNG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Nguyễn Trần Tiểu Phụng*, Lê Thị Hoa Sen

Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế

*Tác giả liên hệ: nguyentrantieuphung@huaf.edu.vn

Nhận bài: 29/11/2020 *Hoàn thành phản biện:* 11/01/2021 *Chấp nhận bài*: 26/07/2021

TÓM TẮT

Nghiên cứu này nhằm tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp (HTX). Thông tin nghiên cứu được thu thập từ phỏng vấn 75 thành viên các HTX, 2 thảo luận nhóm và phỏng vấn sâu các giám đốc HTX. Nghiên cứu sử dụng phương pháp Analytical Hierarchy Process (AHP) để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các HTX được xếp theo thứ bậc. Nghiên cứu đã chỉ ra được 6 yếu tố chính: Chính sách, thị trường, điều kiện tự nhiên, kinh tế và đời sống xã hội, năng lực HTX, năng lực thành viên và 36 yếu tố phụ. Trong đó, chính sách là yếu tố có ảnh hưởng nhất, tiếp theo lần lượt là yếu tố tự nhiên, thị trường, năng lực HTX, kinh tế và đời sống xã hội, năng lực thành viên. Các giá trị điểm hiệu quả bình quân tập trung vào yếu tố chính sách và năng lực HTX. Năng lực thành viên, năng lực quản lý, sự tâm huyết của HTX chưa được đánh giá cao. Vì thế, kết quả chỉ ra yếu tố còn hạn chế trong quá trình hoạt động của HTX, từ đó đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động cho các HTX.

Từ khoá: AHP, Hiệu quả hoạt động, Hợp tác xã nông nghiệp, Quảng Điền, Yếu tố ảnh hưởng

FACTORS AFFECTING THE PERFORMANCE OF AGRICULTURAL COOPERATIVES IN QUANG DIEN DISTRICT, THUA THIEN HUE PROVINCE

Nguyen Tran Tieu Phung*, Le Thi Hoa Sen

University of Agriculture and Forestry, Hue University

ABSTRACT

This study seeks to examine the factors that influence the performance of agricultural cooperatives. Data were collected from 75 households who were the members of cooperatives, two group discussion and in-depth interviews cooperative directors. The study used the Analytical Hierarchy Process (AHP) method to analyze the factors affecting the performance of agricultural cooperatives ranked in order. The study has indentified six main factors: Policy, market, natural conditions, economy and social life, capacity of cooperatives, capacity of members and 36 sub-elements. In which, policy is the most influential factor, followed by natural conditions, market, capacity of cooperatives, economy and social life, and capacity of members. The average efficiency scores focus on policy factors and capacity of cooperatives. Capacity of members, management capacity and enthusiasm of the cooperative have not been appreciated. Therefore, the research results indicated that there were still limited factors in the operation of cooperatives, thereby offering solutions that contribute to improving operational efficiency for agricultural cooperatives.

Keywords: AHP, Operational efficiency, Agriculture cooperative, Quang Dien, Influential factors

1. MỞ ĐẦU

Hợp tác xã nông nghiệp (HTX) là một loại hình kinh tế hợp tác tồn tại và phát triển từ lâu ở nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Từ giữa những năm 50 của thế kỷ XX đã xuất hiện nhiều hình thức hợp tác và HTX (Lợi, 2010). Ở Việt Nam, các loại hình hợp tác và HTX đã và đang được chú trọng phát triển thông qua việc ban hành các chính sách và luật hợp tác

xã từ những năm đổi mới (1986) và đặc biệt Luật Hợp tác xã số 47-L/CTN đầu tiên được Quốc hội thông qua có hiệu lực thi hành từ 20/03/1996. Trong quá trình vận hành Luật Hợp tác xã 1996 được đổi mới và sửa đổi bổ sung thành Luật Hợp tác xã 2003. Tuy nhiên, để nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp và phát huy hiệu quả hoạt động hợp tác xã phù hợp với cơ chế phát triển của thị trường cũng như nhu cầu của xã hội, nhà nước đã chuyển đổi vận hành và quản lý theo Luật Hợp tác xã mới số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012 (Hải, 2016). Quyết định số 2261/QĐ-TTg, ngày 15/12/2014 ra đời thực thi các chương trình hỗ trợ và phát triển các hợp tác xã. Các hợp tác xã được thành lập và bắt đầu hoạt động theo Luật Hợp tác xã 2012 được gọi là hợp tác xã kiểu mới (Linh, 2020). Mỗi vùng sinh thái và trình độ sản xuất khác nhau sẽ phát triển các hợp tác xã theo hướng để phù hợp với điều kiện và con người ở địa phương đó (Serey và cs., 2013). Chính vì thế, một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của nhà nước là từng bước đưa nông nghiệp phát triển sản xuất theo mô hình kinh tế hợp tác gắn với chuỗi giá trị là giải pháp hàng đầu cho phát triển nông nghiệp (Hậu, 2012). Nhận thức được vấn đề này, Nhà nước đã đề ra những chủ trương, đường lối mới trong việc liên kết hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn thông qua HTX (Hải, 2016).

Quảng Điền là một trong những huyện sản xuất nông nghiệp trọng điểm của tỉnh Thừa Thiên Huế (TTH) với sự phát triển mạnh mẽ của đa dạng các loại hình hợp tác xã nông nghiệp (Cổng thông tin điện tử tỉnh TTH, 2018). Huyện Quảng Điền cũng là một trong những huyện được UBND tỉnh TTH ưu tiên phát triển các mô hình liên kết, hợp tác và HTX nhằm đẩy mạnh hiệu quả sản xuất nông nghiệp thích ứng với các biến động của kinh tế, thị trường và biến đổi khí hậu cũng như thực hiện các mục tiêu xây dựng nông thôn mới. Đến cuối năm 2019, 100% HTX ở trên địa bàn huyện đã chuyển đổi sang loại hình HTX kiểu mới. Để có cơ sở thúc đẩy phát triển và nhân rộng loại hình HTX kiểu mới, nghiên cứu này tiến hành đánh giá hiệu quả hoạt động và xác định các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các HTX trên địa bàn huyện Quảng Điền.

2. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu đề tài là yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp ở huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Xã Quảng Lợi và xã Quảng An, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế được chọn làm địa bàn nghiên cứu. Đây là hai xã đi đầu trong phát triển HTX và thực hiện chuyển đổi HTX kiểu mới và có điều kiện tự nhiên - xã hội đại diện cho các xã trên địa bàn huyện (vùng đất cát và vùng đất thịt). Nghiên cứu được tiến hành trong năm 2020 với phạm vi thời gian nghiên cứu 3 năm từ 2017 đến 2019.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp thu thập thông tin

Thông tin được sử dụng cho nghiên cứu được thu thập từ các nguồn thông tin thứ cấp và sơ cấp. Thông tin thứ cấp được thu thập từ các công trình nghiên cứu về kinh tế hợp tác xã, HTX, sách, tài liệu, thông tin từ hội nghị, hội thảo, các bài báo khoa học liên quan đến hoạt động của HTX. Các số liệu sơ cấp bao gồm thông tin về nguồn lực con người, cơ sở vật chất, năng lực quản lý của cán bộ HTX, thu nhập thành viên, vai trò của thành viên và các thông số về yếu tố ảnh hưởng hiệu quả hoạt động của HTX. Thông tin sơ cấp được thu thập qua phỏng vấn sâu 6 người am hiểu là cán bộ phòng nông nghiệp huyện và các giám đốc của 5 HTX thuộc 2 xã nghiên cứu về quy mô, phạm vi, các lĩnh vực kinh doanh dịch vụ, doanh thu, lợi nhuận của các HTX. Quan điểm của người dân về hiệu quả hoạt động của hợp tác xã được thu thập thông qua phỏng vấn ngẫu nhiên 75 hộ thành viên của các HTX trên địa bàn nghiên cứu (15 thành viên/HTX). Thảo luận 2 nhóm bao gồm chuyên gia nông nghiệp và các thành

viên HTX được tổ chức nhằm hoàn thiện bộ chỉ số đánh giá hiệu quả hoạt động của HTX và xác định trọng số của từng chỉ số.

2.2.2. Phương pháp phân tích thông tin

Phương pháp thống kê mô tả: Các số liệu được tổng hợp và phân tích thông qua phần mềm Microsoft Excel 2010. Các chỉ tiêu về đặc điểm hoạt động và kết quả hoạt động của các HTX được xử lý bằng các phương pháp thống kê mô tả, gồm giá trị trung bình (Average), độ lệch chuẩn (Stdev), tỷ lệ phần trăm (%), và tần suất (countif). Hiệu quả hoạt động của HTX được đánh giá bằng phương pháp bộ chỉ số gồm 06 chỉ số chính với 36 chỉ số phụ (Bảng 6).

Phương pháp trọng số không đều nhau được áp dụng với sự hỗ trợ của phương pháp phân tích thứ bậc AHP *(Analytic Hierarchy Process)* (Saaty, 2008), được thực hiện với tiến trình sau:

Xác định trọng số các tiêu chí bằng cách so sánh cặp đôi các yếu tố và chuẩn hoá ma trận so sánh. Trọng số có ý nghĩa khi đảm bảo được tỷ số nhất quán CR *(Consistency ratio)* được tính theo công thức:

$$CR = \frac{CI}{RI} \quad (1); \qquad CI = \frac{\lambda_{max} - n}{n-1} \quad (2)$$

Trong đó: CI là chỉ số nhất quán *(Consistency Index)*; RI là chỉ số ngẫu nhiên *(Random Index);* n là số tiêu chí; λ_{max} là giá trị riêng của ma trận so sánh tính theo công thức:

$$\lambda_{max} = \frac{1}{n}\left(\frac{\sum_{n=1}^{n} w_{1n}}{w_{11}} + \frac{\sum_{n=1}^{n} w_{2n}}{w_{22}} + \cdots + \frac{\sum_{n=1}^{n} w_{nn}}{w_{nn}}\right) \quad (3)$$

Kết quả chấp nhận khi giá trị tỷ số nhất quán CR<0,1 hay CR<10%, nếu lớn hơn thì buộc phải tiến hành thảo luận nhóm lại để đảm bảo tính nhất quán trong tỷ lệ cho phép.

Trọng số ưu tiên là trọng số cuối cùng được sử dụng làm cơ sở tính toán để lựa chọn các yếu tố ảnh hưởng. Việc sử dụng trọng số ưu tiên cho phép xác định các yếu tố chính tạo nên hiệu quả hoạt động HTX dựa trên những yếu tố phụ cụ thể nhất. Được xác định bằng công thức 4.

$$£_i = \text{Trọng số cấp 2 (cho 36 yếu tố phụ)} * \text{trọng số cấp 1 (cho 6 yếu tố chính)} \quad (4)$$

Trên cơ sở đó, công thức tính điểm hiệu quả của các HTX được thể hiện ở công thức 5.

$$P = £_i * a_i \quad (5)$$

Trong đó: P là điểm hiệu quả hoạt động của HTX; $£_i$ là trọng số ưu tiên của yếu tố i của HTX; a_i là điểm đánh giá của yếu tố i đối với hiệu quả hoạt động của HTX.

Các yếu tố có điểm càng cao càng thể hiện khả năng tạo hiệu quả cho HTX càng lớn. Điều đó có nghĩa lựa chọn những yếu tố ảnh hưởng có điểm ảnh hưởng thấp nhất đến hiệu quả hoạt động của HTX làm cơ sở để đề xuất chiến lược cải cách kế hoạch hoạt động của HTX được tốt hơn.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thực trạng hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn nghiên cứu

Quảng Điền là một huyện đồng bằng nằm phía Bắc của tỉnh Thừa Thiên Huế cách thành phố Huế 15 km. Diện tích tự nhiên của huyện 16.304,54 ha, hình thành 03 vùng: Vùng đất thịt ruộng lúa phì nhiêu của lưu vực sông Bồ (Quảng An), vùng đất cát (Quảng Lợi) và vùng ven biển, đầm phá, nguồn lợi thuỷ sản phong phú. Vì thế, huyện Quảng Điền có tiềm năng rất lớn để phát triển sản xuất nông nghiệp.

Từ khi thành lập các HTX đến nay, toàn huyện có 22 HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp theo Luật Hợp tác xã 2012, có trụ sở riêng và tất cả đều được chuyển đổi từ HTX kiểu cũ, không có HTX nào được thành lập mới. Đến năm 2020, toàn huyện có 24.051 thành viên HTX (Cổng TTĐT huyện Quảng Điền). Nhiều HTX đã mở rộng loại hình dịch vụ, tham gia thực hiện các chuỗi giá trị, hợp đồng liên kết để sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm cho nông dân. Uỷ ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã chú trọng thực hiện các chính sách

đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và thu hút cán bộ trẻ, có trình độ, năng lực về làm việc cho các HTX trên địa bàn. Năm 2019 thực hiện kế hoạch 163/QĐ-UBND của UBND tỉnh đã đưa 02 cán bộ trẻ, tốt nghiệp trình độ đại học về làm việc cho 02 HTX là hợp tác xã nông nghiệp Quảng Thọ 2 và hợp tác xã nông nghiệp Đông Phú với tổng kinh phí là 250 triệu đồng. Trình độ cán bộ HTX được thể hiện qua Bảng 1.

Các HTX trên địa bàn huyện có bộ máy quản lý hoàn chỉnh đúng theo Luật Hợp tác xã 2012 gồm giám đốc, phó giám đốc, uỷ viên, trưởng ban kiểm soát và bộ phận kế toán.

Bảng 1. Trình độ đội ngũ cán bộ hợp tác xã nông nghiệp huyện Quảng Điền năm 2020

Chức danh	Tổng số cán bộ (người)	Chưa qua đào tạo (%)	Bồi dưỡng nghiệp vụ (%)	Trung cấp (%)	Cao đẳng (%)	Đại học (%)
Giám đốc	22	0	100	36,4	4,5	22,7
Phó giám đốc	26	0	84,6	15,4	3,8	23,1
Uỷ viên	17	9,0	94,0	23,5	1,7	17,6
Trưởng Ban kiểm soát	22	0	100	22,7	0	9,1
Kế toán trưởng	22	0	100	50,0	50,0	0

Nguồn: Phòng nông nghiệp và PTNT huyện Quảng Điền (2020)

Bảng 1 cho thấy, trên 84% đội ngũ cán bộ HTX đều đã được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý. Tỉ lệ giám đốc HTX đạt trình độ đại học chiếm 22,7%, nhưng đa số có trình độ trung cấp chiếm 36,4%. Tuy nhiên, điều này không đánh giá hết năng lực của lãnh đạo HTX. Năng lực cao hay thấp phụ thuộc nhiều yếu tố khác như kinh nghiệm sản xuất, kinh nghiệm quản lý và cách tiếp cận quản lý HTX của cá nhân (Long, 2017). Năng lực đội ngũ cán bộ HTX là một trong những yếu tố ảnh hưởng rất lớn đến với sự phát triển của một HTX. Những cán bộ chủ chốt của HTX quyết định mọi lĩnh vực kinh doanh, nắm bắt thị trường liên kết và lên kế hoạch hoạt động cho HTX, giúp thành viên ổn định sản xuất và tăng thu nhập. Thông tin về đội ngũ cán bộ và lĩnh vực kinh doanh của 5 HTX ở hai xã nghiên cứu bao gồm HTX Thạnh Lợi (Thạnh Lợi), HTX Thắng Lợi (Thắng Lợi), HTX Tín Lợi (Tín Lợi), HTX Đông Phú (Đông Phú), HTX An Xuân (An Xuân) được trình bày ở Bảng 2 và Bảng 3.

Bảng 2. Thông tin chung về đội ngũ cán bộ HTX ở xã Quảng Lợi và xã Quảng An

Chỉ tiêu		Đơn vị	Giá trị	Ghi chú
Số lượng Ban quản lý		Người	5,33 ± 1,72	
Tuổi trung bình Ban quản lý		Tuổi	47,41 ± 10,61	
Trình độ văn hoá	Tiểu học	%	0	15,61% cán bộ học đến trình độ trung học phổ thông
	Trung học cơ sở	%	25	
	Trung học phổ thông	%	75	
Trình độ chuyên môn	Sơ cấp	%	3,13	59,39% cán bộ đạt trình độ sơ cấp đến đại học
	Trung cấp	%	28,13	
	Cao đẳng	%	12,5	
	Đại học	%	15,63	
Năm kinh nghiệm		Năm	11,84 ± 10,37	

Dấu ± ký hiệu giá trị độ lệch chuẩn

Nguồn: Phỏng vấn cán bộ HTX ở xã Quảng Lợi và xã Quảng An (2020)

Bảng 2 cho thấy, tuổi trung bình của đội ngũ quản lý HTX là 47 tuổi, là độ tuổi rất phù hợp để quản lý bởi độ tuổi này thường có dày dặn kinh nghiệm về sản xuất, quản lý cũng như sức khoẻ để điều hành hoạt động của HTX. Đánh giá về trình độ

văn hoá thì 25% cán bộ chỉ học đến trung học cơ sở, 15,61% cán bộ học đến trung học phổ thông. Trong 75% cán bộ đạt trình độ trung học phổ thông thì có 59,39% cán bộ học lên trình độ sơ cấp đến đại học, trong đó, trình độ chuyên môn ở bậc trung cấp là cao nhất chiếm 28,13% tổng trình độ của cán bộ, trình độ ở đại học và cao đẳng thấp hơn chỉ chiếm lần lượt 15,63% và 12,5%. Quyết định 138/QĐ -UBND tỉnh TTH về việc phê duyệt đề án đổi mới nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX kiểu mới thì việc nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý rất được chú trọng bằng hành động tích cực thu hút sinh viên tốt nghiệp đại học và cao đẳng có chuyên ngành đào tạo phù hợp về làm việc ở HTX. Vì thế, trình độ chuyên môn thấp là một điểm hạn chế của HTX khi trình độ cán bộ quản lý chưa đạt chuẩn sẽ dẫn đến bị động trong việc hoạch định các chiến lược phát triển HTX. Mặc dù tỉ lệ đại học chiếm 15,63% nhưng hầu hết các cán bộ tham gia phỏng vấn đều thể hiện sự năng nổ, nhiệt huyết trong lãnh đạo, chỉ đạo phát triển HTX đặc biệt là các HTX Đông Phú và HTX An Xuân. Tuy nhiên, nhờ kinh nghiệm quản lý HTX trên 10 năm cho thấy sự gắn bó của cán bộ HTX với thành viên và địa phương rất cao, là động lực để các HTX tồn tại và phát triển lâu dài.

Bảng 3. Lĩnh vực và quy mô hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp nghiên cứu

Nội dung	Thạnh Lợi	Thắng Lợi	Tín Lợi	Đông Phú	An Xuân
Số lĩnh vực kinh doanh	5	6	9	9	6
Quy mô sản xuất nông nghiệp (ha)	87	583	649,4	265	250
Số lượng hộ thành viên (Hộ)	504	481	264	926	823

Nguồn: HTX Thạnh Lợi, HTX Thắng Lợi, HTX Tín Lợi, HTX Đông Phú, HTX An Xuân (2020)

Bảng 3 cho thấy số lĩnh vực kinh doanh của các HTX khá đa dạng. Các HTX thực hiện ít nhất 5 loại hình dịch vụ, có hai HTX thực hiện đến 9 loại hình dịch vụ. Kết quả khảo sát cho thấy loại hình dịch vụ vật tư nông nghiệp là loại hình mà 100% HTX thực hiện. Loại hình dịch vụ này bao gồm dịch vụ cung ứng giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật cho người sản xuất nông nghiệp. Dịch vụ thu mua sản phẩm nông nghiệp chiếm 80% tổng số các HTX thực hiện. Đây là dịch vụ còn khá mới đối với các HTX huyện Quảng Điền. Tuy nhiên, qua khảo sát ở các HTX nghiên cứu tại 2 xã thì chỉ có HTX An Xuân, HTX Đông Phú, HTX Tín Lợi và HTX Thắng Lợi có dịch vụ này trong khi HTX Thạnh Lợi vẫn chưa hình thành hợp đồng nông sản. Điều này cho thấy thực trạng nhiều HTX vẫn chưa thoát khỏi cơ chế HTX kiểu cũ, các cán bộ HTX vẫn chưa mạnh dạn để thay đổi và tìm kiếm cơ hội hợp tác với các doanh nghiệp. Bên cạnh đó dịch vụ thuỷ lợi cũng khá phổ biến chiếm 60% tổng dịch vụ. Qua nhiều nghiên cứu cho thấy HTX hoạt động càng nhiều dịch vụ thì sẽ mang lại lợi ích cho HTX và thành viên HTX (Thành và cs., 2018).

Quy mô sản xuất của HTX phản ánh tổng diện tích gieo trồng của HTX trong một năm. Các HTX Thắng Lợi và HTX Tín Lợi có tổng diện tích gieo trồng lớn vì địa hình khí hậu ở đây ngoài trồng lúa 2 vụ thì khoai lang chính là nguồn thu nhập chính của thành viên, trong khi ở HTX Đông Phú và HTX An Xuân chỉ độc canh cây lúa nên diện tích treo trồng không cao nhưng lại khá đa dạng về các dịch vụ phi nông nghiệp. Điều này cho thấy, các HTX đang tiến đến việc kinh doanh các dịch vụ sinh

lời cao hơn bên cạnh các dịch vụ sản xuất nông nghiệp.

Số lượng hộ thành viên cũng phản ánh quy mô của HTX. Số lượng hộ thành viên không giảm so với các năm vì hầu như các gia đình đều tham gia vào HTX ở đây, vì thế số lượng thành viên càng lớn thì mức độ sử dụng dịch vụ của HTX càng cao và doanh thu của HTX sẽ tăng. Bên cạnh đó, tỷ lệ vốn góp cao giúp HTX có nguồn vốn kinh doanh dồi dào. Nguồn vốn kinh doanh được tạo thành từ các nguồn khác nhau như vốn góp thành viên, vốn tích luỹ, vốn hỗ trợ từ Nhà nước và những nguồn liên doanh khác. Vì thế, số lượng hộ thành viên càng đông thì nguồn vốn góp sẽ càng lớn góp phần tăng nguồn vốn kinh doanh cho các HTX. Giá trị nguồn vốn, doanh thu và lợi nhuận của các HTX được thể hiện qua Bảng 4.

3.2. Hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội của các HTX ở địa bàn nghiên cứu

3.2.1. Hiệu quả kinh tế

Các chỉ tiêu kinh tế phản ánh khả năng kinh doanh các dịch vụ của HTX mạnh hay yếu. Khảo sát tại 2 xã nghiên cứu thì có 3 HTX thuộc xã Quảng Lợi và 2 HTX thuộc xã Quảng An.

Khi phân tích chỉ tiêu sinh lời (Return On Sale - ROS) là tỷ số lợi nhuận trên doanh thu. HTX hoạt động mang tính xã hội nhưng cũng một tổ chức kinh tế, vì thế, lợi nhuận/năm của HTX đóng vai trò quan trọng việc phản ánh được kết quả tài chính hoạt động kinh doanh của các HTX trong một năm. Thông qua ý nghĩa của tỷ số ROS có thể biết được sự phát triển của HTX đó đang đi lên hay xuống dốc.

Bảng 4. Một số chỉ tiêu phản ánh kết quả và hiệu quả kinh doanh của các hợp tác xã

Đơn vị:triệu đồng

Các chỉ tiêu	Xã Quảng Lợi			Xã Quảng An	
	Thạnh Lợi	Thắng Lợi	Tín Lợi	Đông Phú	An Xuân
Tổng vốn kinh doanh	686,650,3	746,532,5	4.386,629	9.289,230,3	6.015,648,6
Tổng tài sản	1.263,561	1.302,549,1	4.957,792	10.181,512,9	7.217,079,1
Doanh thu/năm	556,289,7	2.043,961,2	2.101,384	12.032,297,6	2.821,266,3
Chi phí/năm	515,692,3	1.788,072,9	1.847,802	10.493,363,1	809,357,3
Lợi nhuận/năm	40,597,5	255,888,2	253,582,0	1.538,934,5	2.011,908,9
Lợi nhuận/doanh thu (ROS)	0,073	0,125	0,121	0,128	0,713

Nguồn: HTX Thạnh Lợi, HTX Thắng Lợi, HTX Tín Lợi, HTX Đông Phú và HTX An Xuân (2019)

Bảng 4 cho thấy, HTX Đông Phú và HTX An Xuân là hai HTX có doanh thu cao nhất, chứng tỏ càng đa dạng dịch vụ thì doanh thu sẽ cao (Bảng 3). Khác với những HTX khác chỉ kinh doanh dịch vụ phục vụ cho nông nghiệp thì hai HTX này có những cải thiện và chiến lược tốt để phát triển HTX hơn như HTX Đông Phú còn kinh doanh xăng dầu, HTX An Xuân còn kinh doanh theo hình thức cho thuê hội trường 2000m^2 để khách hàng tổ chức sự kiện. Sở dĩ, HTX Đông Phú có thể kinh doanh xăng dầu do nguồn vốn góp từ thành viên lớn và được tích luỹ qua nhiều năm, tuy nhiên, chi phí đầu tư không nhỏ nên lợi nhuận thấp hơn so với HTX An Xuân. Bên cạnh đó, HTX Thạnh Lợi có doanh thu thấp nhất trong các HTX bởi vì rất ít các dịch vụ kinh doanh, chủ yếu dịch vụ phân bón, giống, thuỷ lợi phục vụ cho thành viên sản xuất, trong khi dịch vụ tiêu thụ sản phẩm các HTX khác làm được còn HTX Thạnh Lợi thì không.

Điều này, chứng tỏ năng lực liên kết và tham gia thị trường của cán bộ HTX đặc biệt là giám đốc HTX còn yếu. Quan trọng hơn, chính là sự cởi mở và chia sẻ của các giám đốc HTX không giống nhau. Tính liên kết giữa thành viên và HTX rất quan trọng thể hiện một phần ở việc cán bộ HTX có mặt tại trụ sở để giúp đỡ thành viên khi cần thiết, trong khi HTX Thạnh Lợi thời gian làm việc tại trụ sở chỉ có 3 buổi/tuần thì các HTX đi làm hết tất cả các ngày trong tuần trừ chủ nhật. Vì thế, tính liên kết giữa HTX và thành viên ở HTX Thạnh Lợi không cao. Nhưng nhìn chung, tất cả các HTX đều làm hết trách nhiệm của mình, các kế hoạch công việc và dịch vụ thuận lợi, vì thế không có HTX nào làm ăn thu lỗ trong các năm vừa qua. Điều này cho thấy thực trạng của một số HTX đó là không thực sự bức phá nhưng cũng trách nhiệm để hoàn thành nhiệm vụ. Trong xu thế hiện nay việc chỉ thực hiện đúng nhiệm vụ của mình không giúp HTX vận hành năng lực của mình một cách tối đa mà phải có sự hợp tác liên kết với nhiều doanh nghiệp uy tín hiện nay.

Dựa vào kết quả chỉ tiêu ROS cho thấy, HTX An Xuân hoạt động kinh doanh hiệu quả nhất trong khi HTX Đông Phú có nguồn vốn kinh doanh và doanh thu cao hơn cả, bởi vì HTX An Xuân có nguồn thu cố định và ổn định qua các năm nhờ việc cho thuê mặt bằng và dịch vụ vận tải nên chi phí đầu tư dịch vụ thấp. Điều này chứng tỏ, năng lực tham gia thị trường và nắm bắt cơ hội kinh doanh của giám đốc và cán bộ HTX rất quan trọng, giúp HTX có chiến lược và kế hoạch hoạt động phù hợp với điều kiện của địa phương.

3.2.2. Hiệu quả xã hội

Hiệu quả xã hội của HTX là sự đánh giá của nhiều bên liên quan đến HTX, tuy nhiên, quan trọng nhất vẫn là ý kiến của các thành viên tham gia HTX.

Có 6 lợi ích mà các HTX mang lại cho thành viên được đánh giá theo thang điểm từ 1 đến 5 bao gồm: Sự an tâm về chất lượng, tăng cường sự hỗ trợ giữa các thành viên, tăng cường khả năng tiếp cận vốn vay, giảm rủi ro về sản phẩm không bán được, tạo công ăn việc làm cho các thành viên và tăng cường hiệu quả sản xuất cho thành viên.

Bảng 5. Đánh giá của thành viên về hiệu quả xã hội mà các hợp tác xã mang lại

Lợi ích của thành viên	Xã Quảng Lợi (%)					Xã Quảng An (%)				
	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5
An tâm về chất lượng	0	2,2	22,2	31,1	44,4	0	0	3,3	33,3	63,3
Tăng cường sự hỗ trợ giữa các thành viên	0	2,2	22,2	51,1	24,4	0	0	13,3	26,7	60,0
Tăng cường khả năng tiếp cận vốn vay	2,2	51,1	31,1	13,3	2,2	3,3	50,0	36,7	10,0	0
Giảm rủi ro về sản phẩm không bán được	2,2	22,2	31,1	35,6	8,9	3,3	10,0	16,7	40,0	30,0
Tạo công ăn việc làm cho thành viên	2,2	11,1	48,9	17,8	20,0	0	6,7	23,3	40,0	30,0
Tăng cường hiệu quả sản xuất cho thành viên	0	2,2	26,7	51,1	20,0	0	3,3	13,3	30,0	53,3

Nguồn: phỏng vấn hộ (2020)

Bảng 5 cho thấy, sự an tâm về chất lượng được các thành viên đánh giá rất cao (điểm 5) chiếm 44,4% ở xã Quảng Lợi và 63,3% ở xã Quảng An. Tất cả ý kiến cho

rằng, HTX giúp các thành viên tăng cường sự hỗ trợ và hợp tác với nhau, tạo ra sự đoàn kết rất lớn trong cộng đồng chiếm 51,1% (điểm 4) ở xã Quảng Lợi và 60% điểm tuyệt đối (điểm 5) ở xã Quảng An. Bên cạnh đó, tăng cường hiệu quả sản xuất giúp thành viên sử dụng các nguồn lực của mình hiệu quả góp phần tăng năng suất và sản lượng cho cây trồng. Ngoài ra, lợi ích tạo việc làm cho các thành viên được đánh giá cao, tuy nhiên, nhiều ý kiến cho rằng HTX chủ yếu giúp thành viên tăng gia sản xuất và có thêm thu nhập, không bị ép giá bởi có hợp đồng nông sản, ngoài ra, HTX không tạo việc làm cho hộ thất nghiệp hay không tham gia sản xuất nông nghiệp.

Hầu hết, các HTX đều không có dịch vụ tín dụng và vốn vay, được thành viên đánh giá (điểm 2) chưa thật sự hiệu quả. Điều này cho thấy vấn đề tồn tại ở HTX vì sao vẫn chưa làm tốt ở dịch vụ cho vay vốn thành viên trong khi dịch vụ này giúp thành viên an tâm và giảm rủi ro tài chính trong sản xuất.

3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn nghiên cứu

Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của HTX được xây dựng thành bộ chỉ số với 36 yếu tố phụ trong 6 yếu tố chính. Các giá trị chỉ ra đâu là yếu tố ảnh hưởng nhiều hay ít đến hiệu quả hoạt động của HTX được thể hiện qua Bảng 6.

Trong 6 yếu tố chính thì hợp phần chính sách được đánh giá là yếu tố ảnh hưởng và quan trọng nhất đối với hiệu quả hoạt động của HTX, trong đó, tiếp cận chuyển đổi theo Luật Hợp tác xã 2012 góp phần làm thay đổi toàn bộ cơ chế hoạt động giúp các HTX thay đổi diện mạo mới và hoạt động như một doanh nghiệp thay vì bao cấp như trước đây. Yếu tố tự nhiên được đánh giá ảnh hưởng thứ hai sau chính sách bởi các yếu tố tự nhiên thường xảy ra bất ngờ và khó dự báo, đặc biệt trong nông nghiệp yếu tố tự nhiên luôn được chú trọng và xem xét kỹ lưỡng trước khi quyết định sản xuất cây trồng hay chăn nuôi, trong đó, địa hình địa lý được đánh giá rất ảnh hưởng từ sự đánh giá khác biệt của hai xã Quảng Lợi và Quảng An lần lượt 0,007 và 0,271. Địa hình thuận lợi góp phần giúp HTX hoạt động tốt hơn như HTX Đông Phú và HTX An Xuân ở xã Quảng An (mục 3.1) không những giúp quá trình kinh doanh của 2 HTX thuận lợi mà còn đa dạng nhiều lĩnh vực như mô hình sen – cá, ao tôm, xăng dầu… trong khi các HTX ở Quảng Lợi chỉ sản xuất được khoai lang để tiêu thụ.

Bảng 6. Giá trị hiệu quả hoạt động của các HTX trên địa bàn nghiên cứu

Yếu tố phụ	Giá trị từng biến		Yếu tố chính	Giá trị hợp phần		
	Quảng Lợi	Quảng An		Quảng Lợi	Quảng An	Bình quân Cả hai
Tiếp cận Luật Hợp tác xã 2012	0,462	0,126	Chính sách	0,249	0,331	0,290
Quy hoạch đất	0,231	0,224				
Tiếp cận các chính sách hỗ trợ	0,056	0,645				
Nhu cầu của thị trường	0,029	0,015	Thị trường	0,145	0,081	0,113
Giá cả	0,223	0,006				
Sự ổn định của thị trường	0,179	0,021				
Quy mô của thị trường	0,149	0,039				
Địa hình, địa lý	0,007	0,271	Tự nhiên	0,143	0,146	0,145
Tính chất đất	0,015	0,051				
Rủi ro thời tiết đối với sản phẩm dịch vụ của HTX	0,407	0,117				
Quy mô thành viên của HTX	0,052	0,015	Kinh tế và đời sống xã hội của HTX	0,093	0,083	0,088
Đối thủ cạnh tranh	0,069	0,031				
Đối tác	0,011	0,011				
Hình thức hoạt động	0,027	0,069				
Doanh thu HTX/năm	0,151	0,102				
Chất lượng dịch vụ	0,188	0,167				
Tính tập thể, gắn kết thành viên và Ban giám đốc HTX	0,153	0,184				
Số lượng Ban quản lý HTX	0,017	0,015	Năng lực của HTX	0,049	0,167	0,108
Tuổi của Ban quản lý HTX	0,032	0,035				
Trình độ học vấn của giám đốc	0,094	0,162				
Kinh nghiệm quản lý HTX	0,075	0,286				
Năng lực hoạch định chính sách	0,056	0,267				
Năng lực tham gia thị trường	0,013	0,129				
Cơ sở vật chất (máy tính, thiết bị…) phục vụ HTX	0,024	0,136				
Kỹ thuật	0,047	0,089				
Nguồn vốn	0,098	0,481				
Năm thành lập HTX	0,023	0,013				
Sự tâm huyết của cán bộ HTX	0,048	0,152				
Lợi ích HTX mang lại cho thành viên	0,057	0,242				
Tuổi chủ hộ	0,019	0,004	Năng lực của thành viên	0,056	0,018	0,037
Giới tính chủ hộ	0,013	0,005				
Bình quân thu nhập hộ (triệu/năm)	0,169	0,003				
Trình độ học vấn	0,059	0,013				
Khả năng tiếp cận vốn vay	0,009	0,019				
Động cơ vào HTX	0,021	0,021				
Vai trò của thành viên trong HTX	0,097	0,059				
Tổng điểm hiệu quả hoạt động của các HTX				0,735	0,826	0,781

Nguồn: Thảo luận nhóm (2020)

Bảng 6 cho thấy, doanh thu và chất lượng dịch vụ thuộc yếu tố kinh tế và đời sống xã hội được đánh giá là yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của HTX bởi kết quả sẽ không đúng nếu không có ảnh hưởng từ hiệu quả kinh tế, vì thế HTX hoạt

động có hiệu quả hay không phụ thuộc rất lớn vào nguồn vốn và doanh thu. Để có được như vậy thì phải dựa vào yếu tố thị trường và năng lực quản lý HTX. Vì thế, yếu tố thị trường và yếu tố năng lực HTX được đánh giá rất ảnh hưởng và cao hơn yếu tố kinh tế lần lượt 0,113; 0,108; 0,088. Trong đó, giá cả và quy mô thị trường là yếu tố tiên quyết ảnh hưởng đến kinh doanh của HTX. Năng lực HTX ở xã Quảng An cao hơn các HTX ở xã Quảng Lợi ở trình độ học vấn, kinh nghiệm quản lý, năng lực tham gia thị trường. Điều này chứng tỏ, trình độ, kinh nghiệm và năng lực của người lãnh đạo giúp HTX hoạt động hiệu quả hơn. Trong một vài nghiên cứu chỉ ra năng lực của HTX sẽ quyết định đến thành công của HTX (Vĩnh và cs., 2014).

Bên cạnh những yếu tố có giá trị ảnh hưởng lớn đến hiệu quả hoạt động thì có những yếu tố có giá trị rất thấp sẽ là nguyên nhân cản trở và làm trì trệ các hoạt động của HTX. Thứ nhất, nhu cầu của thị trường, đa phần các HTX đều không có khả năng dự đoán được nhu cầu của thị trường và đây là khó khăn chung cho tất cả các HTX nên giá trị rất thấp. Thứ hai, vai trò của các đối tác (chính quyền địa phương, Uỷ ban nhân dân, trung tâm Khuyến nông…) chưa thật sự quan tâm hay hỗ trợ tối ta đến các HTX bởi từ khi các HTX hoạt động tự chủ, sự gắn kết giữa HTX và chính quyền chỉ còn là quá trình báo cáo và thông báo. Thứ ba, sự tâm huyết của cán bộ HTX chưa đủ dẫn đến việc thành viên và HTX ít gắn kết với nhau. Thứ tư là các yếu tố phụ từ năng lực của thành viên. Qua khảo sát thì năng lực thành viên không được đánh giá cao bởi họ cho rằng thành viên phụ thuộc rất nhiều vào HTX. Các điểm về trình độ học vấn, động cơ vào HTX và vai trò của thành viên trong HTX rất thấp. Vì thế, yếu tố này tưởng chừng như không ảnh hưởng thì lại là yếu tố tồn tại của nhiều HTX khi năng lực của thành viên thấp sẽ dẫn đến việc khó hợp tác khi tiếp cận và chuyển giao công nghệ, sự lắng nghe và tư tưởng thay đổi sẽ rất hạn chế. Tổng điểm hiệu quả trung bình các HTX của 2 xã nghiên cứu khoảng 0,781 điểm tập trung điểm chủ yếu ở yếu tố chính sách. Bởi thành viên cho rằng chính sự thay đổi của chính sách giúp HTX phát triển hơn, cơ chế hoạt động độc lập và tự chủ hơn.

Từ các kết quả nghiên cứu trên, nhóm tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm cải thiện những hạn chế của các HTX đang vướng mắc như sau:

Thứ nhất việc bổ sung và hoàn thiện các chính sách thúc đẩy và hỗ trợ các HTX phát triển. Chú trọng phát triển các HTX thực hiện liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông, lâm, thủy sản hàng hóa theo chuỗi giá trị, liên kết giữa nông dân, HTX và doanh nghiệp, thúc đẩy xây dựng cánh đồng lớn.

Thứ hai tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý HTX và thành viên. Bồi dưỡng, nâng cao trình độ và năng lực cho cán bộ quản lý chủ chốt của HTX về nội dung cơ bản của Luật Hợp tác xã năm 2012, đặc biệt là kỹ năng điều hành, quản lý HTX, phương thức kinh doanh trong cơ chế thị trường.

Thứ ba, tạo mối liên hệ mật thiết giữa HTX với thành viên. Phải tạo được mối quan hệ thông tin hai chiều giữa HTX và thành viên. HTX phải nắm bắt được nhu cầu của các thành viên, những khó khăn mà thành viên đang gặp phải trong sản xuất, trên cơ sở đó xây dựng phương án sản xuất kinh doanh phù hợp, đáp ứng được nhu cầu của thành viên. Đồng thời cung cấp kịp thời cho thành viên những thông tin phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

4. KẾT LUẬN

Quảng Điền là huyện đi đầu về sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là sự phát triển của 22 HTX đều vận hành theo Luật Hợp tác xã 2012. Qua khảo sát tại 2 xã nghiên cứu thì trình độ cán bộ HTX chỉ dừng lại ở trình độ trung cấp nên năng lực còn hạn chế. Bên cạnh đó, các lĩnh vực dịch vụ ngày càng đa dạng giúp HTX có nhiều nguồn thu và vốn kinh doanh, trong đó, các HTX ở xã Quảng An có số lượng thành viên nhiều và quy mô HTX lớn, điều kiện địa lý thuận lợi, năng lực HTX tốt góp phần giúp các HTX ở xã Quảng An hoạt động lĩnh vực dịch vụ

đa dạng hơn các HTX ở Quảng Lợi. Các HTX đã dần liên kết được với thị trường giúp thành viên an tâm trong việc đảm bảo đầu ra cho các sản phẩm, đều này nói lên trình độ và năng lực quản lý của HTX đã cải thiện rất nhiều, tuy nhiên một số HTX vẫn chưa làm được như HTX Thạnh Lợi ở xã Quảng Lợi do sự gắn kết giữa cán bộ HTX và thành viên chưa đủ, đội ngũ cán bộ ngại chia sẻ những hoạt động của HTX và trình độ còn hạn chế. Nhìn chung, các thành viên đều đánh giá an tâm về chất lượng các dịch vụ và tăng cường hiệu quả sản xuất nhưng vấn đề vay vốn thực tế các HTX chưa thể mở ra nên khả năng tiếp cận vốn vay của các thành viên rất thấp là một trong những yếu tố gây cản trở hiệu quả hoạt động của các HTX. Kết quả nghiên cứu cho thấy chính sách là điều kiện tiên quyết, là tiền đề cho sự phát triển mạnh mẽ của các HTX. Đánh giá yếu tố năng lực thành viên có điểm thấp nhất đặc biệt điểm ở yếu tố vai trò của thành viên rất thấp là một trở ngại nhưng ít được các HTX quan tâm nên giải pháp cấp thiết đặt ra đó là không những tăng cường sự gắn kết giữa HTX và thành viên, bồi dưỡng nâng cao năng lực tham gia thị trường cho HTX mà sự tâm huyết của cán bộ vào HTX phải mạnh mẽ hơn. Trong tương lai việc thành lập được quỹ vay vốn cho thành viên rất cần thiết nhằm cải thiện vai trò của thành viên với HTX và lan toả sự kết nối giữa HTX và thành viên giúp HTX hoạt động hiệu quả và phát triển hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tài liệu tiếng Việt

Dương Ngọc Thành, Nguyễn Công Toàn và Hà Thị Thu Hà. (2018). Đánh giá yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp tại tỉnh An Giang. *Tạp chí Khoa học trường Đại học Cần Thơ, 54*(4D), 212 - 219.

Đặng Ngọc Lợi. (2010). *Những rào cản trong phát triển hợp tác xã ở Việt Nam.* Đề tài khoa học cấp Bộ 2010. Học viện chính trị hành chính quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyễn Phi Long. (2017). *Giải pháp đào tạo nguồn nhân lực cho các hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Bến Tre*. Luận văn Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, trường Đại học Trà Vinh.

Nguyễn Thị Thanh Hải. (2016). *Kết quả hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp ở tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2014 - 2015*. Khoá luận tốt nghiệp, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế.

Nguyễn Thị Thuỳ Linh. (2020). Phát triển hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở Sơn La theo Luật Hợp tác xã 2012. *Tạp chí khoa học trường Đại học Tây Bắc*, (21), 96 - 101.

Trần Minh Vĩnh và Phạm Văn Đình. (2014). Một số giải pháp phát triển hợp đồng liên kết sản xuất – tiêu thụ lúa gạo ở tỉnh Đồng Tháp. *Tạp chí khoa học và phát triển, 12*(6), 844 - 852

Serey Mardy, Nguyễn Phúc Thọ và Chu Thị Kim Loan (2013). Một số vấn đề lý luận, thực tiễn về phát triển nông nghiệp bền vững và những bài học cho phát triển nông nghiệp bền vững ở Campuchia. *Tạp chí khoa học và phát triển*, *11*(3), 439 - 446

2. Tài liệu tiếng nước ngoài

Dong, Q., & Saaty, T. L. (2014). An analytic hireachy process model of group consensus. *Journal of Systems science and Systems Engineering*, *23*(3), 362 - 374.

Karlı, B., Bilgiç, A., & Çelik, Y. (2006). Factors affecting farmers' decision to enter agricultural cooperatives using random utility model in the South Eastern Anatolian region of Turkey. *Journal of Agriculture and Rural Development in the Tropics and Subtropics (JARTS), 107*(2), 115 - 127.

Österberg, P., & Nilsson, J. (2009). Members' perception of their participation in the governance of cooperatives: the key to trust and commitment in agricultural cooperatives. *Agribusiness: An International Journal*, *25*(2), 181 - 197.

Saaty, T. L. (1980). *The Analytic Hierarchy Process.* New York: McGraw-Hill.

Saaty, T. L. (2008). Decision making with the analytic hierarchy process. *The online platform for inderscience Publishers joural content.* Published online 19 March 2008. Inderscience online*:*
https://doi.org/10.1504/IJSSci.2008.01759